

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 20

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX

Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Chiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Quỳnh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Văn Đức**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (“PLC”)**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex: Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần chính sách kế toán đối với “Hàng tồn kho”, đối với thành phẩm và hàng hóa Công ty đang áp dụng phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức). Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế theo phương pháp nêu trên thì giá thành năm 2008 sẽ giảm đi là 16.934 triệu đồng và lợi nhuận năm 2008 sẽ tăng lên với giá trị tương ứng.

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần chính sách kế toán đối với “Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi”, Ban Giám đốc Công ty đã đề ra chính sách trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn và cho rằng nếu thực hiện trích lập đầy đủ theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC thì chi phí dự phòng nợ khó đòi cần phải trích lập sẽ cao hơn mức thực tế đã trích trong năm 2008 khoảng 7.594 triệu đồng và lợi nhuận năm 2008 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

### **Ý kiến ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Trương Anh Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

---

**Nguyễn Minh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MÁU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.322.744.172.826</b>	<b>1.081.384.068.167</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>81.726.970.448</b>	<b>119.826.074.390</b>
1. Tiền	111		68.595.970.448	119.187.074.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.131.000.000	639.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>413.542.287.254</b>	<b>501.386.860.899</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5	440.241.713.996	514.918.294.952
2. Trả trước cho người bán	132		5.059.363.077	11.257.197.233
3. Các khoản phải thu khác	135	6	5.109.431.376	21.061.022.157
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(36.868.221.195)	(45.849.653.443)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	7	<b>601.928.607.161</b>	<b>436.688.855.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		620.551.512.928	437.245.535.075
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.622.905.767)	(556.679.284)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>225.546.307.963</b>	<b>23.482.277.087</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		683.541.158	158.630.235
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.490.348.918	18.904.626.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.802.811.124	125.742.048
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	195.569.606.763	4.293.278.058
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>104.676.908.110</b>	<b>67.312.362.272</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.282.814.710</b>	<b>60.070.605.845</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	64.504.660.701	55.149.993.628
- Nguyên giá	222		197.682.158.728	179.694.452.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.177.498.027)	(124.544.459.113)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.778.154.009	4.920.612.217
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>21.577.956.000</b>	<b>6.977.956.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	21.557.956.000	4.557.956.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		20.000.000	2.420.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>816.137.400</b>	<b>263.800.427</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	263.800.427
2. Tài sản dài hạn khác	268		816.137.400	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.427.421.080.936</b>	<b>1.148.696.430.439</b>

Các thuyết minh từ trang 08 tới trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MÁU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.110.075.544.409</b>	<b>850.265.617.854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.109.075.319.652</b>	<b>849.514.580.039</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	870.783.567.326	508.834.263.039
2. Phải trả người bán	312		175.956.135.578	268.759.835.093
3. Người mua trả tiền trước	313		7.192.701.175	13.626.890.936
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	19.930.989.735	18.151.004.977
5. Phải trả người lao động	315		13.099.271.219	13.710.418.215
6. Chi phí phải trả	316		1.398.879.535	3.113.900.422
7. Phải trả nội bộ	317		922.730.501	271.242.693
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	19.791.044.583	23.047.024.664
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.000.224.757</b>	<b>751.037.815</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.000.224.757	751.037.815
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	14	<b>317.345.536.527</b>	<b>298.430.812.585</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>316.513.802.531</b>	<b>297.777.088.218</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.272.000.000	161.272.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		56.453.510.000	56.453.510.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		466.200.000	466.200.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		58.695.177.206	37.582.921.868
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.745.573.362	2.465.089.469
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.881.341.963	39.537.366.881
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>831.733.996</b>	<b>653.724.367</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		831.733.996	653.724.367
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.427.421.080.936</b>	<b>1.148.696.430.439</b>

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Ngô Đức Giang  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2008	2007
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	17	<b>2.970.598.961.239</b>	<b>2.575.966.084.091</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		-	284.087.937
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>2.970.598.961.239</b>	<b>2.575.681.996.154</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	18	2.600.168.080.667	2.277.790.103.968
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>370.430.880.572</b>	<b>297.891.892.186</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	27.802.537.932	11.191.611.670
7. Chi phí tài chính	22	20	123.382.686.354	45.624.591.584
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>51.156.234.851</i>	<i>37.774.354.310</i>
8. Chi phí bán hàng	24		190.231.597.570	161.861.722.697
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.954.338.318	43.898.573.901
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>64.664.796.262</b>	<b>57.698.615.674</b>
11. Thu nhập khác	31		9.852.144.076	6.990.757.985
12. Chi phí khác	32		6.799.680.105	955.028.827
<b>13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	21	<b>3.052.463.971</b>	<b>6.035.729.158</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>67.717.260.233</b>	<b>63.734.344.832</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	12.676.918.270	8.668.927.951
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>55.040.341.963</b>	<b>55.065.416.881</b>
17. Lãi trên cổ phiếu	70	23	3.413	3.494

**Nguyễn Văn Đức**  
Tổng Giám đốc

**Ngô Đức Giang**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>67.717.260.233</b>	<b>63.734.344.832</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.516.766.331	11.787.102.399
Các khoản dự phòng	03	9.084.794.235	16.506.544.428
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	10.961.151.632	-
Chi phí lãi vay	06	51.156.234.851	37.774.354.310
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>151.436.207.282</b>	<b>129.802.345.969</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	87.844.573.645	(49.245.305.388)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(165.239.751.370)	(101.181.435.592)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(140.888.807.139)	127.338.793.997
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
(Tăng)/giảm tài sản lưu động khác	12	(202.616.367.849)	(4.968.697.640)
Tiền lãi vay đã trả	13	(51.156.234.851)	(37.774.354.310)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.887.893.507)	(6.557.533.214)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	34.869.244	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.081.343.564)	(2.644.513.126)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(336.554.748.109)</b>	<b>54.769.300.696</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(21.910.144.648)	(19.196.389.867)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	254.004.528	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(17.000.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.000.000.000
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	958.512.042
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(38.656.140.120)</b>	<b>(15.237.877.825)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	68.191.710.000
Nhận vốn vay ngắn hạn	34	2.116.993.873.005	1.849.263.473.927
Trả gốc vay ngắn hạn	35	(1.755.044.568.718)	(1.902.323.370.558)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.837.520.000)	(20.547.564.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>337.111.784.287</b>	<b>(5.415.750.631)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(38.099.103.942)</b>	<b>34.115.672.240</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>119.826.074.390</b>	<b>85.710.402.150</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>81.726.970.448</b>	<b>119.826.074.390</b>

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Ngô Đức Giang  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004 theo Biên bản bàn giao ký giữa đại diện Bộ Thương mại, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Công ty Hóa dầu Petrolimex.

Cổ đông của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sở hữu 79,1% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 20,9% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 574 người (tại 31/12/2007 là 561 người).

**Mô hình hoạt động Công ty Mẹ - Công ty Con**

Công ty có hai Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con gồm:

- Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ)
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty Con)
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty Con)

Các Công ty Con này đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/03/2006.

Theo Quyết định số 39/QĐ-PLC-HĐQT, Quyết định số 40/QĐ-PLC-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2008 được Hội đồng Quản trị ban hành và ký phê duyệt bởi ông Nguyễn Văn Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bổ sung vốn chủ sở hữu cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex từ ngày 01/01/2008 tương ứng số tiền lần lượt là: 22.782.629.461 đồng và 8.889.142.650 đồng. Nguồn tăng bổ sung được lấy từ quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư cụ thể theo bảng sau:

*Đơn vị : VND*

<b>Nguồn tăng</b>	<b>Công ty TNHH</b>		<b>Cộng</b>
	<b>Hóa Chất Petrolimex</b>	<b>Nhựa đường Petrolimex</b>	
Quỹ Đầu tư phát triển	8.224.062.277	21.078.046.657	29.302.108.934
Quỹ Dự phòng tài chính	665.080.373	1.704.582.804	2.369.663.177
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.889.142.650</b>	<b>22.782.629.461</b>	<b>31.671.772.111</b>

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hoá chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam đã được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn chấp thuận số 956/BTC/CDKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính của:

- Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ)
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty con)
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty con)

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất là hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị các khoản đầu tư liên kết được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các khoản đầu tư vào Công ty liên kết là không trọng yếu nên không cần hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Chính sách trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex thấp hơn mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/2/2006 của Bộ Tài chính ("Thông tư 13"). Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng nếu thực hiện trích lập theo Thông tư 13 thì chi phí dự phòng nợ khó đòi cần phải trích lập sẽ cao hơn mức thực tế đã trích trong năm 2008 khoảng 7.594 triệu đồng và lợi nhuận năm 2008 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đề ra kế hoạch xử lý nợ khó đòi trong năm 2009 bao gồm các biện pháp đôn đốc thu nợ, đảo nợ và sẽ thực hiện trích dự phòng bổ sung trong năm 2009.

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi: Trong năm 2008, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 11.952.972.974 đồng làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp một lượng tương ứng.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để đưa hàng tồn kho vào địa điểm và trạng thái hiện tại.

Tại Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex: Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí hoàn thành ước tính và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với thành phẩm và hàng hóa. Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế theo phương pháp nêu trên thì giá thành năm 2008 sẽ giảm đi là 16.934 triệu đồng và lợi nhuận năm 2008 sẽ tăng lên với giá trị tương ứng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Số năm sử dụng</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 35
Máy móc và thiết bị	8 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	8

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Hạch toán ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn**

Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn là khoản lập dự phòng cho các khoản lỗ của các khoản đầu tư vào các công ty và các khoản đầu tư dài hạn khác. Mức lập dự phòng bằng tỷ lệ góp vốn của công ty vào các công ty nhận đầu tư hay các khoản đầu tư dài hạn nhân với số lỗ ước tính trong năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết rằng các khoản đầu tư không phát sinh lỗ nên không cần dự phòng lỗ hoạt động đầu tư.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008 theo quy định về ưu đãi cổ phần hóa. Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ khi chính thức niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK theo quy định tại Công văn số 11924 ngày 24/10/2004. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Hà Nội được giảm trong hai năm 2009, 2010. Đây là năm thứ ba Công ty được giảm thuế 50% (với thuế suất áp dụng là 14% trên thu nhập chịu thuế).

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	14.749.468.531	18.065.755.639
Tiền gửi ngân hàng	53.846.501.917	101.046.518.751
Tiền đang chuyển	13.100.000.000	574.800.000
Vàng bạc, đá quý	31.000.000	139.000.000
	<b>81.726.970.448</b>	<b>119.826.074.390</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhóm khách hàng		
Khách hàng dầu mỡ nhờn	127.175.228.631	167.833.966.394
Khách hàng nhựa đường	211.194.477.737	169.560.538.122
Khách hàng hóa chất	101.872.007.628	177.523.790.436
<b>Cộng</b>	<b>440.241.713.996</b>	<b>514.918.294.952</b>
Trừ: Dự phòng phải thu khó đòi	(36.868.221.195)	(45.849.653.443)
	<b>403.373.492.801</b>	<b>469.068.641.509</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuế GTGT được hoàn	-	15.034.650.079
Tiền thuế nhập khẩu được hoàn	-	3.194.576.743
Các khoản khác	5.109.431.376	2.831.795.335
	<b>5.109.431.376</b>	<b>21.061.022.157</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	45.817.254.647	74.183.684.044
Nguyên liệu, vật liệu	249.645.526.314	120.620.544.642
Công cụ, dụng cụ	6.033.267.937	4.639.582.776
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.350.238.236	4.890.197.422
Thành phẩm	102.575.852.039	34.234.683.379
Hàng hóa	191.129.373.755	192.126.858.812
Hàng gửi đi bán	-	6.549.984.000
<b>Tổng</b>	<b>620.551.512.928</b>	<b>437.245.535.075</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.622.905.767)	(556.679.284)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>601.928.607.161</b>	<b>436.688.855.791</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ	190.945.286.106	-
Tài sản ngắn hạn khác	4.624.320.657	4.293.278.058
	<b>195.569.606.763</b>	<b>4.293.278.058</b>

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản ký quỹ tại các ngân hàng ANZ, HSBC, Standard Charter phục vụ cho việc nhập hàng từ nhà cung cấp nước ngoài tại Công ty TNHH Nhựa đường trị giá 190,9 tỷ đồng.

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2008	79.580.660.439	44.074.793.027	43.760.558.357	12.278.440.918	179.694.452.741
Tăng	5.109.937.849	454.816.544	14.835.495.249	1.509.895.006	21.910.144.648
Tăng do mua sắm	2.858.790.744	454.816.544	14.835.495.249	1.509.895.006	19.658.997.543
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	2.251.147.105	-	-	-	2.251.147.105
Giảm	2.119.628.274	824.494.604	759.477.000	218.838.783	3.922.438.661
Giảm thanh lý, giảm khác	2.119.628.274	824.494.604	759.477.000	218.838.783	3.922.438.661
Tại ngày 31/12/2008	<b>82.570.970.014</b>	<b>43.705.114.967</b>	<b>57.836.576.606</b>	<b>13.569.497.141</b>	<b>197.682.158.728</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2008	57.413.711.907	32.445.441.613	28.002.174.030	6.683.131.563	124.544.459.113
Tăng	4.105.335.534	2.442.886.451	3.511.156.083	2.457.388.263	12.516.766.331
Trích khấu hao	4.105.335.534	2.442.886.451	3.511.156.083	2.457.388.263	12.516.766.331
Giảm	2.111.152.363	820.652.604	759.477.000	192.445.450	3.883.727.417
Thanh lý, khác	2.111.152.363	820.652.604	759.477.000	192.445.450	3.883.727.417
Tại ngày 31/12/2008	<b>59.407.895.078</b>	<b>34.067.675.460</b>	<b>30.753.853.113</b>	<b>8.948.074.376</b>	<b>133.177.498.027</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2008	<b>23.163.074.936</b>	<b>9.637.439.507</b>	<b>27.082.723.493</b>	<b>4.621.422.765</b>	<b>64.504.660.701</b>
Tại ngày 31/12/2007	<b>22.166.948.532</b>	<b>11.629.351.414</b>	<b>15.758.384.327</b>	<b>5.595.309.355</b>	<b>55.149.993.628</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 với giá trị là 83.364.481.018 đồng (năm 2007 là 70.232.250.014 đồng).

**10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà văn phòng Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng	3.196.934.545	3.065.000.000
Nhà điều hành sản xuất Thượng Lý	255.488.498	1.046.175.833
Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	6.396.969.091	
Nhà trực sản xuất kho Nhựa đường Nhà Bè	59.195.593	(102.451.316)
Lò gia nhiệt, nén khí-Nhà Bè (*)	(77.059.355)	(113.422.991)
Tuyến ống cầu 2C-Nhà Bè (*)	(1.182.587.102)	(1.209.392.914)
Nhà hóa nghiệm và điều hành sản xuất kho Nhà Bè	2.658.133.570	100.123.636
Nhà điều hành sản xuất kho Trà Nóc	1.143.779.680	-
Các công trình khác	5.327.299.489	2.134.579.969
	<b>17.778.154.009</b>	<b>4.920.612.217</b>

(\*) Các công trình có số dư âm là do Công ty thực hiện kết chuyển tạm tăng tài sản cố định theo giá dự toán nhưng chưa tập hợp đủ chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các công trình này chưa được quyết toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên công ty liên kết	Vốn thực	Tỷ lệ	Tỷ lệ biểu	Hoạt động chính
	góp đến		quyết phần	
	31/12/2008	góp vốn	năm giữ	
	VND	%	%	
Công ty CP XD công trình giao thông 810	4.557.956.000	25%	25%	Xây dựng các công trình giao thông
Công ty CP Vận tải VP	17.000.000.000	34%	34%	Hoạt động vận tải hóa dầu
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.557.956.000</b>			

Do quy mô của các Công ty liên kết này không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty nên Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào các Công ty liên kết theo phương pháp giá gốc mà không thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Indovina Bank - Chi nhánh Hà nội	-	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam-Chi nhánh Ba Đình	152.059.337.286	159.045.548.545
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	85.476.926.194	-
Ngân hàng ANZ	24.477.981.864	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (VCB)	442.812.820.403	173.840.354.422
Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười	-	32.015.619.533
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	40.001.269.706	127.326.340.700
Ngân hàng Hongkong-Thương Hải (HSBC)	39.601.968.898	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	86.353.262.975	14.106.399.839
	<b>870.783.567.326</b>	<b>508.834.263.039</b>

Các khoản vay ngắn hạn, được bảo đảm bằng tín chấp, từ các Ngân hàng trong nước, theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng, với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi suất tiền vay khoảng từ 8,5 % đến 13 % năm đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và khoảng từ 5,5 % đến 10,5 % năm đối với khoản vay bằng Đô-la Mỹ. Tổng chi phí lãi vay phải trả cho năm 2008 phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 51.702 triệu đồng (năm 2007 là 37.774 triệu đồng).

Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.093.245.496	10.891.574.317
Thuế nhập khẩu	1.378.302.273	2.008.862.356
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	6.438.545.000	4.623.830.906
Phí, lệ phí	-	133.732.500
Thuế khác	1.020.896.966	493.004.898
	<b>19.930.989.735</b>	<b>18.151.004.977</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX**

Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của nhà đầu tư VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Nguồn vốn khác thuộc vốn CSH VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Quỹ KT, phúc lợi VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2007</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	-	<b>23.920.124.295</b>	<b>1.239.489.732</b>	<b>36.108.657.966</b>	<b>254.348.124</b>	<b>211.522.620.117</b>
Tăng vốn trong năm	11.272.000.000	56.453.510.000	466.200.000			-	-	68.191.710.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	55.065.416.881	-	55.065.416.881
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.649.085.605	1.225.599.737	(18.108.657.966)	3.233.972.624	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2006	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	-	(15.528.050.000)	-	(15.528.050.000)
Chi tiêu các quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.150.796.391)	(3.150.796.391)
Tăng khác	-	-	-	13.711.968	-	-	316.200.000	329.911.968
<b>Tại ngày 01/01/2008</b>	<b>161.272.000.000</b>	<b>56.453.510.000</b>	<b>466.200.000</b>	<b>37.582.921.868</b>	<b>2.465.089.469</b>	<b>39.537.366.881</b>	<b>653.724.357</b>	<b>298.430.812.575</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	55.040.341.963	-	55.040.341.963
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.112.255.338	2.280.483.893	(31.473.771.189)	8.081.031.958	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	-	(8.063.595.692)	-	(8.063.595.692)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2008	-	-	-	-	-	(20.159.000.000)	-	(20.159.000.000)
Chi tiêu các quỹ	-	-	-	-	-	-	(7.946.122.319)	(7.946.122.319)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	43.100.000	43.100.000
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>161.272.000.000</b>	<b>56.453.510.000</b>	<b>466.200.000</b>	<b>58.695.177.206</b>	<b>4.745.573.362</b>	<b>34.881.341.963</b>	<b>831.733.996</b>	<b>317.345.536.527</b>

Nguồn vốn khác phản ánh tiền đặt cọc thu được do nhà đầu tư từ chối mua cổ phiếu sau khi đã đặt lệnh mua trong quá trình phát hành tăng vốn của Công ty. Do chưa có hướng dẫn cụ thể trong chế độ kế toán Việt Nam về khoản thu tiền này, Công ty tạm thời ghi nhận khoản thu này là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Ngày 29 tháng 4 năm 2008, Đại hội cổ đông thường niên đã họp và chính thức phê duyệt phương án phân chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007 bằng tiền với số tiền chia cổ tức là 23,5 tỷ đồng (trong đó 15,5 tỷ đồng đã được trả trong năm 2007, số còn lại 8 tỷ đồng trả vào năm 2008) và trích lập quỹ đầu tư và phát triển số tiền 21,1 tỷ đồng, quỹ dự phòng tài chính số tiền 2,3 tỷ đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 7,5 tỷ đồng và chi thường cho Ban điều hành theo Chế độ tài chính hiện hành với số tiền là 0,5 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết số 034/NQ-PLC-HĐQT ngày 26/11/2008, Công ty tạm phân phối cổ tức 10 tháng đầu năm 2008 từ lợi nhuận năm 2008 với số tiền là 20.159 triệu đồng (tương ứng 12,5%).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thuế TNDN được ưu đãi miễn, giảm (từ tháng 3/2004 đến năm 2008) của Công ty khoảng 44,9 tỷ đồng không được dùng để chia lãi cho các cổ đông mà được phản ánh toàn bộ trong số dư 58,7 tỷ đồng “Quỹ Đầu tư phát triển” của Công ty.

Vốn đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2008 như sau:

	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Mệnh giá (VND/CP)</b>	<b>Vốn góp VND</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Tổng Công ty Xăng dầu Việt nam	12.750.000	10.000	127.500.000.000	79,1%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	1.019.800	10.000	10.198.000.000	6,3%
Các cổ đông khác	2.357.400	10.000	23.574.000.000	14,6%
	<b>16.127.200</b>		<b>161.272.000.000</b>	<b>100%</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<b>31/12/2008 VND</b>	<b>31/12/2007 VND</b>
Phải trả cổ tức tạm phân phối từ lợi nhuận năm 2008	16.061.975.000	12.980.486.000
Các khoản phải trả khác	3.729.069.583	10.066.538.664
	<b>19.791.044.583</b>	<b>23.047.024.664</b>

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được cấu trúc lại theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con và mỗi Công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Công ty Cổ phần hóa dầu Petrolimex (Công ty Mẹ): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty Con): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty Con): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng hóa chất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

Các thông tin về hoạt động kinh doanh của từng Công ty như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

	Dầu mỡ nhờn 31/12/2008	Hóa chất 31/12/2008	Nhựa đường 31/12/2008	Loại trừ số dư nội bộ	Cộng 31/12/2008
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền	25.262.163.304	19.917.968.630	36.546.838.514	-	81.726.970.448
Các khoản phải thu ngắn hạn	170.388.535.719	113.278.868.668	382.513.597.155	(27.092.406.325)	639.088.595.217
Hàng tồn kho	415.577.165.662	104.316.688.216	82.034.753.283	-	601.928.607.161
TSCĐ và đầu tư dài hạn	147.310.992.302	11.111.791.901	28.475.969.898	(100.000.000.000)	86.898.754.101
Tài sản không phân bổ	17.679.403.103	17.953.633	80.797.273	-	17.778.154.009
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>776.218.260.090</b>	<b>248.643.271.048</b>	<b>529.651.956.123</b>	<b>(127.092.406.325)</b>	<b>1.427.421.080.936</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Phải trả ngắn hạn	491.563.489.692	203.323.201.900	441.281.034.385	(27.092.406.325)	1.109.075.319.652
Phải trả dài hạn	714.006.382	147.166.395	139.051.980	-	1.000.224.757
Nợ phải trả không phân bổ	283.940.764.016	45.172.902.753	88.231.869.758	(100.000.000.000)	317.345.536.527
<b>Tổng Nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>776.218.260.090</b>	<b>248.643.271.048</b>	<b>529.651.956.123</b>	<b>(127.092.406.325)</b>	<b>1.427.421.080.936</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO LĨNH VỰC**

	Dầu mỡ nhờn Năm 2008	Hóa chất Năm 2008	Nhựa đường Năm 2008	Loại trừ Năm 2008	Cộng Năm 2008
<b>Kết quả kinh doanh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.181.705.798.223	853.042.634.030	935.850.528.986	-	2.970.598.961.239
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	4.001.654.745	-	-	(4.001.654.745)	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>1.185.707.452.968</b>	<b>853.042.634.030</b>	<b>935.850.528.986</b>	<b>(4.001.654.745)</b>	<b>2.970.598.961.239</b>
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	102.994.057.094	15.908.247.897	41.342.639.693	-	160.244.944.684
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102.994.057.094	15.908.247.897	41.342.639.693	-	160.244.944.684
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi/(Lỗ) khác	9.667.359.655	7.114.120.400	12.159.263.525	(1.138.205.648)	27.802.537.932
Chi phí tài chính	4.945.131.527	(3.235.639.847)	1.342.972.291	-	3.052.463.971
Chi phí tài chính	53.503.691.601	33.473.775.175	37.543.425.226	(1.138.205.648)	123.382.686.354
Lợi nhuận trước thuế	64.102.856.675	(13.687.046.725)	17.301.450.283	-	67.717.260.233
Chi phí thuế TNDN	10.160.074.562	-	2.516.843.708	-	12.676.918.270
Lợi nhuận thuần	<b>53.942.782.113</b>	<b>(13.687.046.725)</b>	<b>14.784.606.575</b>	<b>-</b>	<b>55.040.341.963</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. DOANH THU**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Dầu mỡ nhờn	1.176.376.660.411	1.007.344.772.321
Hóa chất, dung môi	853.042.634.030	831.444.694.038
Nhựa đường	935.850.528.986	728.523.231.115
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	4.467.186.175	7.444.587.248
Doanh thu hàng khuyến mại	861.951.637	1.208.799.369
	<b>2.970.598.961.239</b>	<b>2.575.966.084.091</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>		
Dầu mỡ nhờn	960.591.886.472	873.363.611.189
Hóa chất, dung môi	800.028.003.592	758.048.330.277
Nhựa đường	836.220.403.962	617.834.100.862
Giá vốn khác	3.327.786.641	28.544.061.640
	<b>2.600.168.080.667</b>	<b>2.277.790.103.968</b>

**19. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi quá hạn phải thu và lãi tiền gửi ngân hàng	8.019.457.916	2.651.965.804
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	958.512.042
Lãi do chênh lệch tỷ giá	19.783.080.016	7.581.133.824
	<b>27.802.537.932</b>	<b>11.191.611.670</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi các khoản vay	51.156.234.851	37.774.354.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá	72.226.451.503	7.850.237.274
	<b>123.382.686.354</b>	<b>45.624.591.584</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế nhập khẩu được hoàn	3.370.755.898	4.828.921.946
Tiền hỗ trợ nhận được từ nhà cung cấp	2.113.289.444	-
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản, hàng hóa	353.674.145	1.209.851.081
Thu nhập khác	4.014.424.589	951.984.958
<b>Cộng thu nhập khác</b>	<b>9.852.144.076</b>	<b>6.990.757.985</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	33.823.163	-
Thù lao HĐQT&BKS không tham gia điều hành	216.750.000	80.212.000
Chi phí khác	6.549.106.942	874.816.827
<b>Cộng chi phí khác</b>	<b>6.799.680.105</b>	<b>955.028.827</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>3.052.463.971</b>	<b>6.035.729.158</b>

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>67.717.260.233</b>	<b>63.734.344.832</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	1.893.645.977
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	11.177.901.632	80.212.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>78.895.161.865</b>	<b>61.920.910.855</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	25.353.836.544	17.337.855.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(12.676.918.274)	(8.668.927.089)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>12.676.918.270</b>	<b>8.668.927.951</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm thuế 50% trong ba năm 2006, 2007 và 2008 theo quy định về ưu đãi cổ phần hóa. Công ty tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ khi chính thức niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK theo quy định tại Công văn số 11924 ngày 24/10/2004. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Hà Nội được giảm trong hai năm 2009, 2010. Đây là năm thứ ba Công ty được giảm thuế 50% (với thuế suất áp dụng là 14% trên thu nhập chịu thuế).

**23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau đây:

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.040.341.963	55.065.416.881
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	55.040.341.963	54.130.282.946
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	16.127.200	15.494.053
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.413</b>	<b>3.494</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng cho các bên liên quan</b>		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	549.672.339.795	373.419.805.963
Công ty liên doanh PTN	1.669.080.926	20.862.579.491
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	9.144.319.784	4.815.887.726
<b>Mua hàng từ các Bên liên quan</b>		
Công ty liên doanh BP - PETCO	126.477.390.072	68.796.587.890
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	22.985.878.122	1.830.139.538
<b>Cổ tức đã trả (từ lợi nhuận năm 2007) cho Petrolimex</b>	<b>15.937.500.000</b>	<b>15.300.000.000</b>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu bán hàng</b>		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	30.035.919.971	33.734.656.594
Công ty liên doanh PTN	8.409.635.659	9.740.554.733
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810	11.930.434.083	8.241.744.855
<b>Phải trả mua hàng</b>		
Công ty liên doanh BP - PETCO	4.427.126.187	6.425.004.645

**25. CAM KẾT**

Ngày 15 tháng 02 năm 2007, Hội đồng Quản trị sau khi lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản đã ra Nghị quyết số 005/NQ-PLC-ĐHĐCĐ theo đó Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex cam kết đầu tư khoảng 705 tỷ đồng cho giai đoạn 2007 - 2010 cho các hoạt động: đầu tư, xây dựng, mua sắm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, góp vốn đầu tư vào các dự án của một số doanh nghiệp khác.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu trên báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm hiện tại.